**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN DẦU TIẾNG**
**TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 23-4-2024
V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con chung

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Trần Văn Tùng.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Phi;
2. Bà Trần Thị Phương Trang.

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Ngọc Thọ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình– Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương. Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 101/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Lê Thị L, sinh năm 1994; hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang.

*2. Bị đơn:* Ông Thịnh Công L1, sinh năm 1986; hộ khẩu thường trú: Ấp C, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn bà L vắng mặt tại phiên toà và đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn ông L1 được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo Đơn khởi kiện ngày 04/3/2024 và quá trình tiến hành tố tụng, nguyên đơn bà Lê Thị L trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị L và ông Thịnh Công L1 tự nguyện chung sống như vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 90, ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương. Trong quá trình chung sống, ông L1 bộc lộ rất nhiều tật xấu như bài bạc, thường xuyên vắng nhà đi qua đêm, khi về đến nhà thì gây gỗ, la mắng vợ, con; bản thân ông L1 không quan tâm chăm sóc gia đình, con cái; hoàn toàn không hỗ trợ, phụ giúp tài chính trong gia đình, một mình bà L phải lo toàn bộ tiền bạc, sinh hoạt phí và nuôi con; hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 và hiện nay, ông L1 thường xuyên bỏ nhà đi hai, ba ngày mới về. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông L1.

Về con chung: Giữa bà L và ông L1 có 01 con chung tên Thịnh Nguyễn Gia H, sinh ngày 08/10/2018. Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông L1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà L không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ nguyên đơn bà L cung cấp: 01 đơn khởi kiện ngày 04/3/2024; bản sao căn cước công dân; bản chính giấy chứng nhận kết hôn; 01 bản sao Giấy khai sinh con chung; đơn yêu cầu Tòa án hỗ trợ gửi tài liệu chứng cứ; đơn yêu cầu không hòa giải theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; đơn yêu cầu không hòa giải; đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

***Quá trình tiến hành tố tụng, bị đơn ông L1 trình bày:*** Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng để ông L1 biết và thực hiện quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông L1 được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, không cung cấp ý kiến, tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

***Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ của Tòa án:***

Tại Biên bản xác minh ngày 12/3/2024 của TAND huyện Dầu Tiếng đối với Công an xã T, huyện D thể hiện: Đương sự Thịnh Công L1, sinh ngày 22/6/1986 có đăng ký thường trú tại ấp C, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Tại Biên bản xác minh ngày 12/3/2024 của TAND huyện Dầu Tiếng đối với Ban lãnh đạo ấp C, xã T, huyện D thể hiện: Ông Thịnh Công L1, sinh năm 1986 có đăng ký thường trú tại ấp C, xã T, huyện D. Ông L1 có mẹ tên H1, cha tên L2, vợ tên Lê Thị L, con tên Thịnh Nguyễn Gia H ở cùng địa chỉ. Ông L1 và bà L có nghề nghiệp làm công nhân, hay đi làm ở xa, ít khi có mặt tại địa phương. Do đó tình trạng hôn nhân giữa bà L với ông L1 như thế nào thì không rõ.

Tại Biên bản xác minh ngày 12/3/2024 của TAND huyện Dầu Tiếng đối với bà Mai Thị H2 thể hiện: Bà Mai Thị H2 có mối quan hệ là mẹ ruột của anh

Thịnh Công L1, là mẹ chồng của chị Lê Thị L. Hiện nay anh L1 đăng ký thường trú và đang cư trú tại ấp C, xã T, huyện D. Tuy nhiên, cả anh L1 và chị L thường đi làm xa, ít khi có mặt ở nhà tại ấp C, xã T, huyện D. Quá trình chung sống với nhau, bà H2 không thấy hai con có mâu thuẫn gì dẫn đến việc nay chị L làm đơn ly hôn, hai con thường đi làm xa, ít khi ở nhà nên đời sống chung, tình cảm vợ chồng của hai con như thế nào thì bà H2 không rõ. Chị L và anh L1 có 01 con chung tên Thịnh Nguyễn Gia H, sinh ngày 08/10/2018. Hiện nay và H2 đang là người trực tiếp phụ giúp chị L và anh L1 nuôi dưỡng con chung.

***Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:***

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đã thực hiện đầy đủ việc tống đạt các văn bản tố tụng cho các bên đương sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà L vắng mặt tại phiên toà và đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn ông L1 được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị xét xử vắng mặt đương sự theo quy định. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng. Quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp nuôi con chung. Đề nghị, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Lê Thị L khởi kiện, yêu cầu được ly hôn, nuôi con chung với ông Thịnh Công L1. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án có quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"; bị đơn ông Thịnh Công L1 cư trú tại ấp C, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

[2] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà L vắng mặt tại phiên toà và đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn ông L1 được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự theo quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông L1 tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện D vào ngày 16/11/2017 nên quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận. Quá trình chung sống, vợ

chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể hòa giải được với nhau. Bà L kiên quyết ly hôn với ông L1. Ông L1 được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không cung cấp ý kiến của mình cho Tòa án nên không ghi nhận ý kiến trình bày. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L và ông L1 đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà L được ly hôn với ông L1 theo quy định tại các Điều 19 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Giữa bà L và ông L1 có 01 con chung tên Thịnh Nguyễn Gia H, sinh ngày 08/10/2018, số định danh cá nhân 074318009159. Xét thấy, cháu H có giới tính nữ, việc giao con chung cho mẹ Lê Thị L nuôi dưỡng là phù hợp. Bà Lê Thị L không yêu cầu ông Thịnh Công L1 phải cấp dưỡng nuôi con chung, đây là sự tự nguyện của bà L nên ghi nhận.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự đều xác định không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Các bên đương sự được quyền khởi kiện tại một vụ án khác nếu sau này có phát sinh tranh chấp.

[4] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng về quá trình tiến hành tố tụng, diễn biến tại phiên tòa cũng như nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Bà L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 19, 53, 56, 81, 82, 83, 84, 85, 107 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung" của bà Lê Thị L đối với ông Thịnh Công L1, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị L được ly hôn với ông Thịnh Công L1.

1.2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:

Giao con chung tên Thịnh Nguyễn Gia H, sinh ngày 08/10/2018, số định danh cá nhân 074318009159 cho bà Lê Thị L chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị L về việc không yêu cầu ông Thịnh Công L1 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không tranh chấp nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Lê Thị L phải chịu toàn bộ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0002693 ngày 05/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương. Bà Lê Thị L đã nộp xong.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết./.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Kim Phi** **Trần Thị Phương Trang** **Trần Văn Tùng**

***Nơi nhận***:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- UBND xã Thanh An (90.2017);
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu: Hồ sơ, VT.

**Trần Văn Tùng**